

Bản án số: 19/2018/DS-ST

Ngày: 27/3/2018

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Ngữ.

2. Ông Hồng Chí Danh.

- Thư ký phiên tòa: bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2018/QĐST-DS ngày 12/3/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V).

Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Hiền T (theo văn bản ủy quyền thường xuyên số 29 ngày 24/6/2017)

Địa chỉ: đường H, phường N, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Hiền T ủy quyền cho anh Dương Hồng H, sinh năm 1990. (Theo văn bản ủy quyền số 10 ngày 06/10/2017) (có mặt)

Địa chỉ: đường M, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: chị Hồ Thị Bé B, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Trú tại: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Hồ Quốc B, sinh năm 1981. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2017, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Dương Hồng H – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/10/2014, Ngân hàng thương mại cổ phần V (viết tắt V) cho chị Hồ Thị Bé B vay số tiền 15.750.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), lãi suất thỏa thuận 5%/tháng (60%/năm), thời hạn vay 24 tháng, hình thức trả vốn + lãi hàng tháng, mục đích vay tiền để tiêu dùng, loại vay tín chấp không đảm bảo tài sản. Khi vay chị Bé B có đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã đồng ý hồ sơ vay vốn của chị Bé B và đã giao đủ tiền vay cho chị Bé B xong. Sau khi vay chị Bé B có trả được 08 lần (tương đương 8 tháng) với số tiền là 9.136.000đ (Chín triệu một trăm ba mươi sáu ngàn đồng) thì ngưng không trả tiền cho Ngân hàng nữa. Nay đã quá thời hạn trả tiền nhưng chị Bé B vẫn không trả hết tiền còn nợ cho Ngân hàng, do đó Ngân hàng yêu cầu chị Bé B trả cho ngân hàng số tiền còn nợ là 18.247.000 đ (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), trong đó tiền vốn là 12.364.845đ, tiền lãi là 5.882.155đ. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Việc vay tiền là cá nhân chị Bé B vay và nhận tiền, do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân chị Bé B trả tiền vay còn nợ, không yêu cầu chồng chị Bé B là anh Hồ Quốc B có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2018 chị Hồ Thị Bé B trình bày:

Vào ngày 20/9/2014, chị có ký hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141001-115002-0001 với Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) vay số tiền 15.750.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), chị không nhớ lãi suất vay hai bên thỏa thuận là bao nhiêu phần trăm một tháng (do chị đã làm mất hợp đồng vay) nhưng nhớ tổng số tiền vốn và lãi chị phải trả là 27.383.000đ, trả dần trong 24 tháng, mỗi tháng trả 1.142.000đ, riêng tháng thứ 24 trả 1.117.000đ, trả tiền vào ngày 04 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 04/11/2014. Sau khi vay chị đã trả cho Ngân hàng được 08 lần (08 tháng) với tổng số tiền là 9.136.000đ, kể từ tháng 7/2015 thì chị không trả cho Ngân hàng nữa. Mục đích chị vay tiền Ngân hàng là để mua đồ điện gia dụng về bán lại. Mặc dù thời điểm vay tiền của Ngân hàng là trong thời kỳ hôn nhân của chị và anh Hồ Quốc B nhưng số tiền vay trên là do cá nhân chị vay, nhận tiền và sử dụng tiền nên anh B không liên quan đến khoản nợ trên. Ngân hàng cho rằng chị còn nợ Ngân hàng số tiền 18.247.000đ (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), trong đó tiền vốn là 12.364.845đ, tiền lãi là 5.882.155đ chị hoàn toàn đồng ý và chị xác định số tiền nợ trên là nợ riêng của chị, chị đồng ý trả số nợ trên cho Ngân hàng. Tuy nhiên, do hiện nay kinh tế chị khó khăn, không có khả năng trả hết một lần số tiền trên nên chị đề nghị Ngân hàng cho chị trả dần mỗi tháng 1.142.000đ cho đến khi trả hết số tiền 18.247.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2018 chị Hồ Thị Bé B trình bày:

Anh và chị Bé B kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

P, huyện B. Vợ chồng chung sống đến giữa năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân đến nay.

Việc chị Bé B vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) số tiền 15.750.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) vào năm 2014 anh có biết. Tuy nhiên, đây là nợ riêng của chị Bé B, không phải nợ chung của vợ chồng, do anh không có nhận tiền vay và cũng không có sử dụng tiền vay trên, còn tiền vay chị Bé B sử dụng vào mục đích gì thì anh không biết nhưng anh xác định chị Bé B không sử dụng số tiền vay trên vào công việc gia đình.

Do đó, số tiền chị Bé B còn nợ Ngân hàng là nợ riêng của chị Bé B, vì vậy anh không đồng ý liên đới cùng chị Bé B trả số tiền nợ 18.247.000đ cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn chị Hồ Thị Bé B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Quốc B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Hồ Thị Bé B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Quốc B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) yêu cầu bị đơn chị Hồ Thị Bé B trả số tiền vay và lãi còn nợ 18.247.000 đ (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2018, chị Bé B thừa nhận vào ngày 20/9/2014 có lập đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141001-115002-0001 với Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) vay số tiền 15.750.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), thời hạn vay 24 tháng, tổng số tiền vốn và lãi phải trả là 27.383.000đ, chia đều trả vốn +

lãi hàng tháng, mỗi tháng trả 1.142.000đ, riêng tháng thứ 24 trả 1.117.000đ, mục đích vay tiền để tiêu dùng. Sau khi vay chị Bé B đã trả được 08 lần (tương đương 8 tháng) với số tiền là 9.136.000đ (Chín triệu một trăm ba mươi sáu ngàn đồng), từ tháng 7/2015 thì ngưng không trả tiền cho Ngân hàng nữa. Chị Bé B thừa nhận chị còn nợ ngân hàng số tiền là 18.247.000 đ (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), trong đó tiền vốn là 12.364.845đ, tiền lãi là 5.882.155đ và đồng ý trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng. Qua đó, xét thấy lời khai của chị Bé B hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng như tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, các điều 466, 470 Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Chị Bé B xác định khoản nợ nêu trên là nợ riêng của chị, chị không yêu cầu anh B cùng chị liên đới trả nợ cho Ngân hàng. Và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng xác định khoản nợ nêu trên là nợ riêng của cá nhân chị Bé B, chỉ yêu cầu cá nhân chị Bé B trả số tiền nêu trên, không yêu cầu anh Hồ Quốc B cùng liên đới trả. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V buộc bị đơn chị Hồ Thị Bé B trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay và lãi còn nợ là 18.247.000đ (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

[4] Xét yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.142.000đ của chị Bé B không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý và không phù hợp với quy định pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: $(18.247.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 912.350\text{đ}$ (Chín trăm mười hai ngàn ba trăm năm mươi đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Hồ Thị Bé B phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, các điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (V). Buộc bị đơn chị Hồ Thị Bé B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) số tiền 18.247.000 đ (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), trong đó tiền vốn là 12.364.845 đồng, tiền lãi là 5.882.155 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: $(18.247.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 912.350 \text{ đồng}$ (Chín trăm mười hai ngàn ba trăm năm mươi đồng) buộc bị đơn chị Hồ Thị Bé B phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 456.000đ (Bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012451 ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Phương Nhi

